

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thùy Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thuận**.

2. Ông **Dương Thị Tư**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Quốc Việt** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 305/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **N.T.K.T**, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 54/1E (số mới: 36) khu phố 1, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **N.T.T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 13, tổ 17, khu phố Long Tân, phường Long Thành Bắc, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N.T.K.T trình bày:*

Chị N.T.K.T và anh N.T.T là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2008, hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh vào ngày 28/6/2008. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 20/4/2009. Chị khởi kiện yêu cầu nuôi con, nhưng con đang sống với ba nên chị đồng ý để anh T nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào ngày 24/5/2022, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh không đến Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị N.T.K.T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh N.T.T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N.T.K.T và anh N.T.T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng, thể hiện: Quá trình chung sống, chị T và anh T hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau, đã ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng

anh không đến Tòa để làm việc cũng như trình bày ý kiến. Do đó xem như anh từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 20/4/2009. Khi khởi kiện, chị T yêu cầu nuôi cháu Bảo nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2021, chị thay đổi yêu cầu, chị để anh T nuôi cháu Bảo vì cháu đang sống với ba, nguyện vọng của cháu muốn sống với ba và anh T mong muốn nuôi cháu. Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tiên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là N.T.K.T về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con” đối với bị đơn là anh N.T.T. Chị N.T.K.T được ly hôn với anh N.T.T.

2. Về con chung: Anh N.T.T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 20/4/2009. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị N.T.K.T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N.T.K.T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020327 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị N.T.K.T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- UBND xã Trường Tây
thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thùy Trang